

NGHỊ QUYẾT

Về quy định nội dung chi và mức chi kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét tờ trình số 3845/TTr-UBND ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định về mức chi kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất quy định về nội dung chi và mức chi kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An (có nội dung quy định kèm theo):

Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ chủ động phối hợp, tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Bãi bỏ Nghị quyết số 48/2007/NQ-HĐND ngày 09/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ QH (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TP.HCM) (b/c);
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Thủ trưởng các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT(P)





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI KINH PHÍ CHO CÔNG TÁC
KIỂM TRA, XỬ LÝ, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN
QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 39 /2011/NQ-HĐND
ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh)**

S T T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
			cấp tỉnh	cấp huyện	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm đề trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra				
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	100	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	70	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/ 01 văn bản	600	450	
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản khi phát hiện văn bản trái pháp luật	01 văn bản	100	70	Trường hợp nếu có chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với người làm nhiệm vụ kiểm tra văn bản thì không thực hiện chế độ này
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
a	Mức chi chung	01 văn bản	140	100	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực	01 văn bản	300	220	

	chuyên môn phức tạp				
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo				
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	150	
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực của HĐND và UBND tỉnh, cấp huyện	01 báo cáo	1.000	750	
	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500	1.100	
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng				Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 62 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ	01 văn bản	100	70	
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	50	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp

					luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
8	Chỉ cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
9	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm ...				Căn cứ hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí